

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức

Ngày 31/12/2025	7,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.5%	-3.9%	-7.5%

DT thuần Q4/25
725
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 99.0 15.8%
YoY: ▲ 115 18.9%

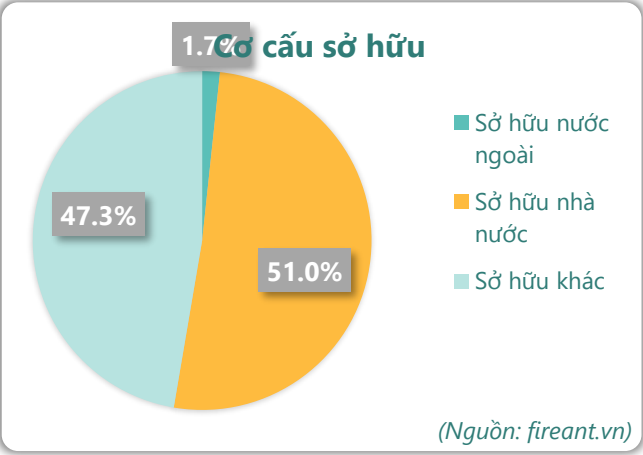
LN thuần Q4/25
3.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.51 17.4%
YoY: ▼0.37 -9.8%

LN sau thuế Q4/25
2.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10 -3.3%
YoY: ▼0.12 -4.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.5%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE 2025
5.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

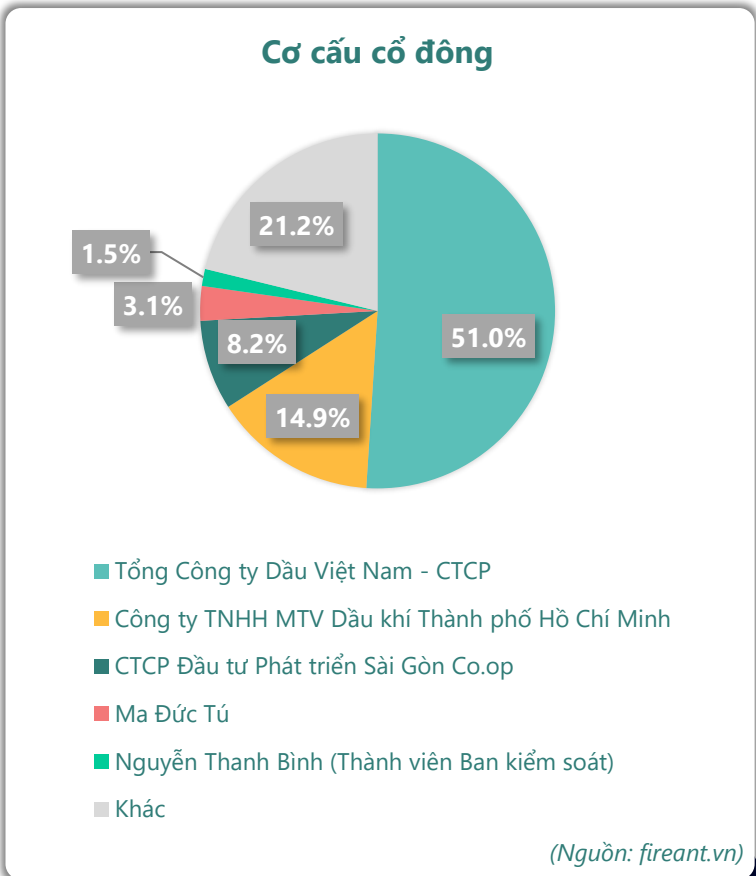
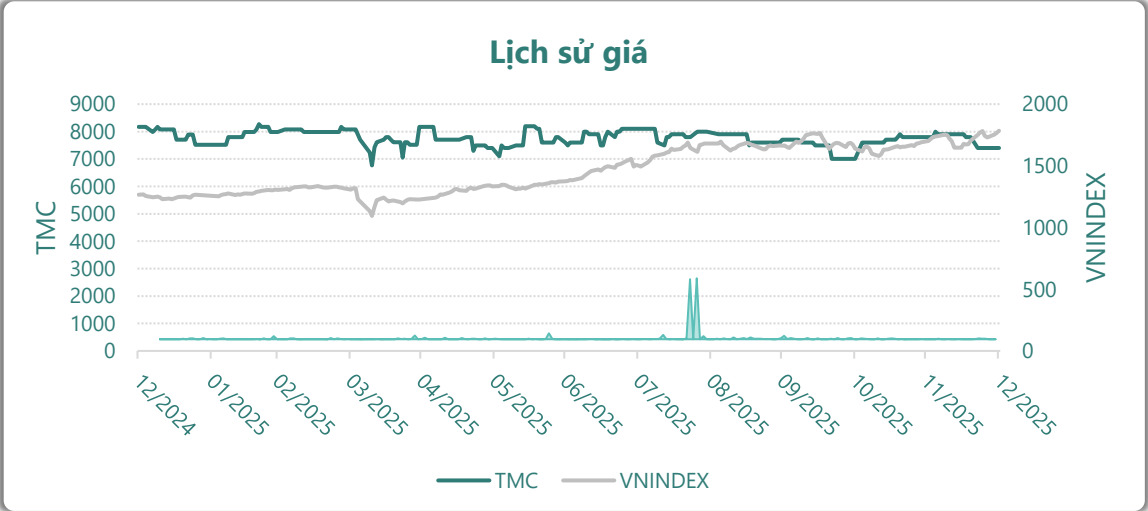
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,766 - 8,270
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
Số lượng CPLH (CP)	12,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	415
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	(0.09)
EPS	791
P/E	9.4



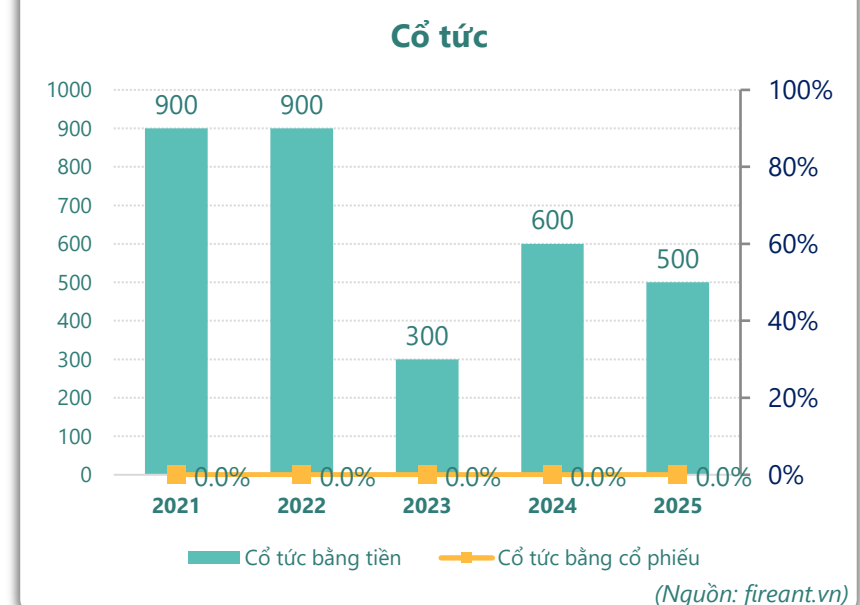
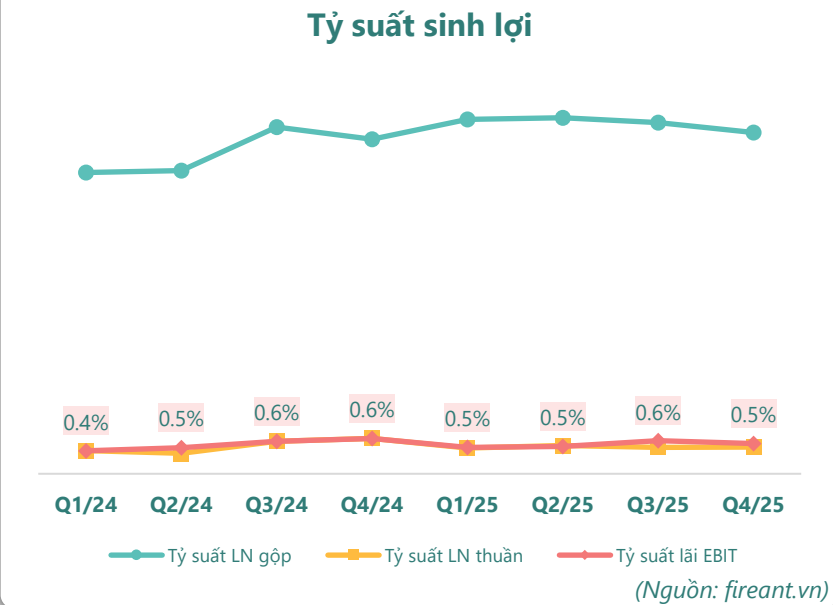
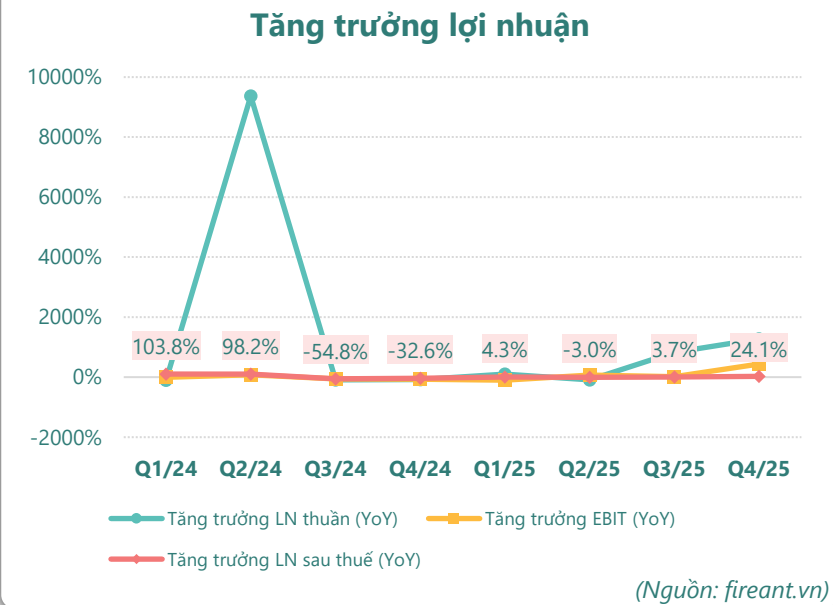
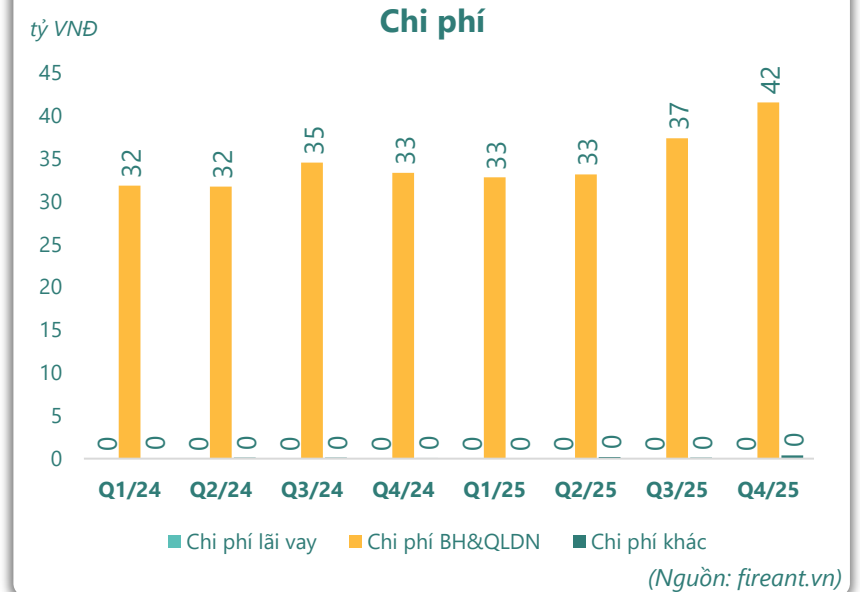
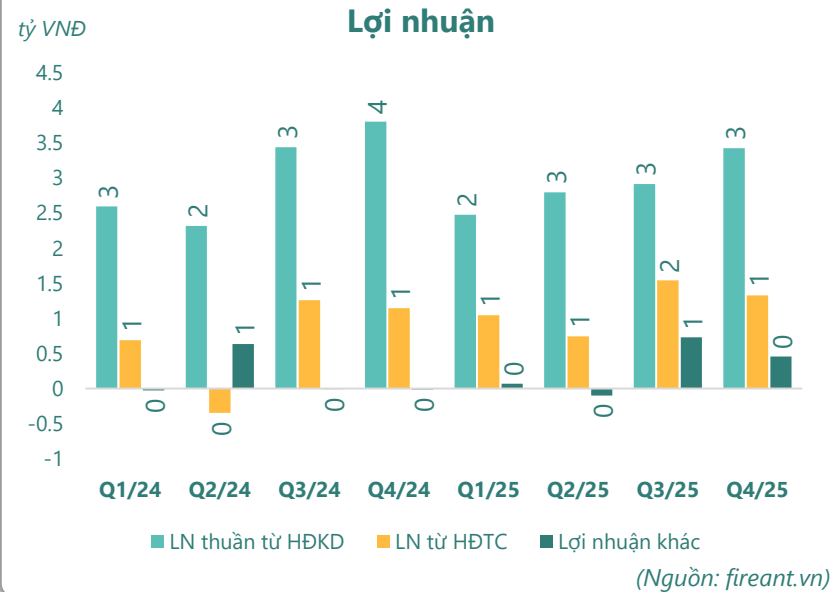
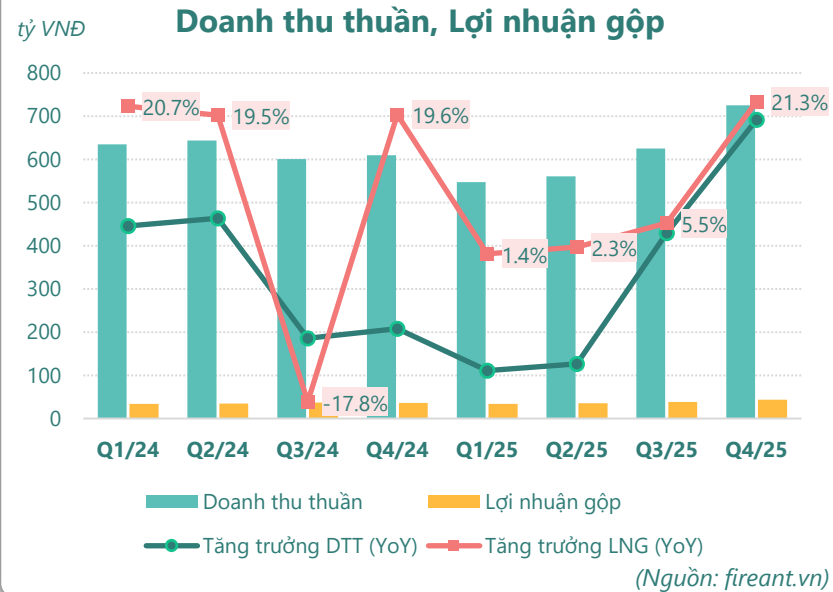
DT thuần 2025
2,459
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.0 -1.2%

LN thuần 2025
11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60 -4.5%

LN sau thuế 2025
9.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.19 -2.1%



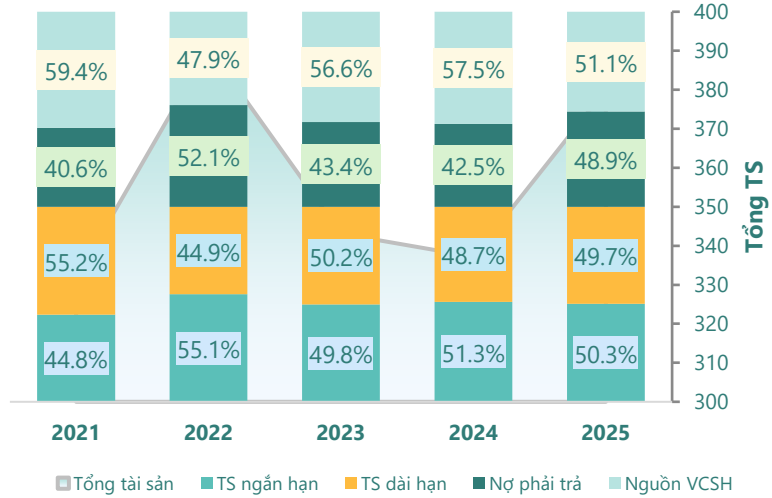
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

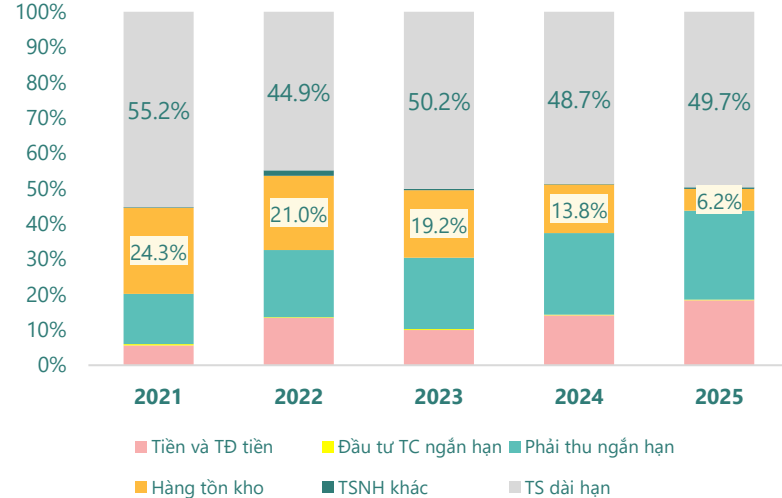
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

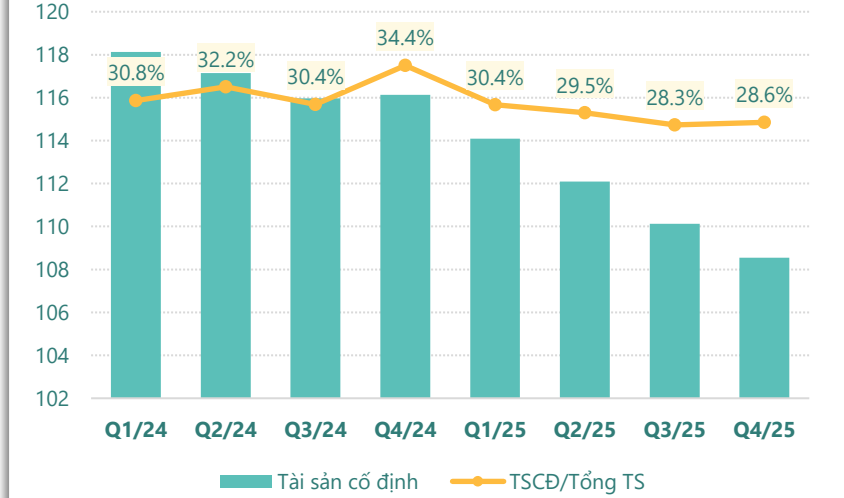
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

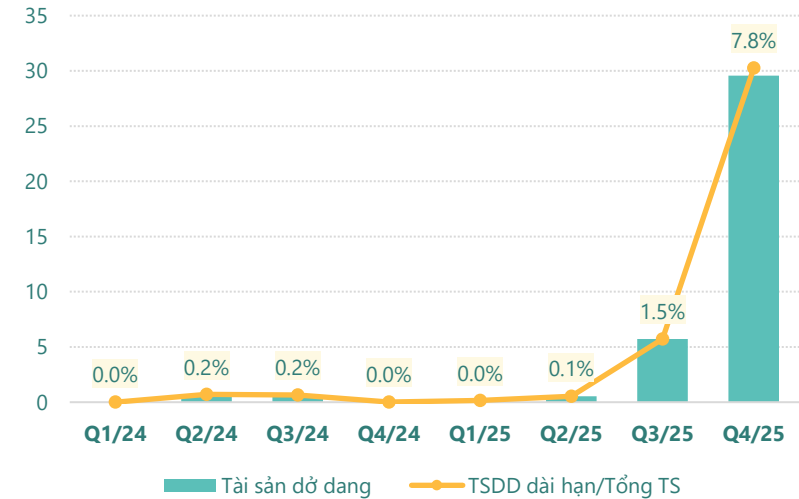
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

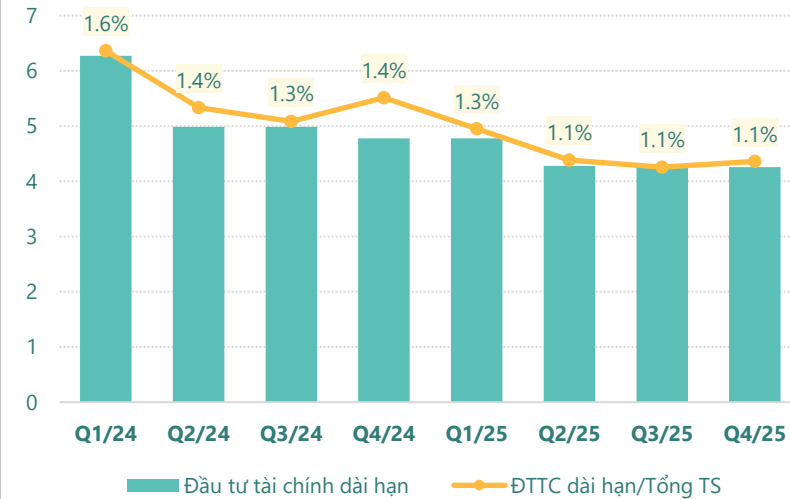
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

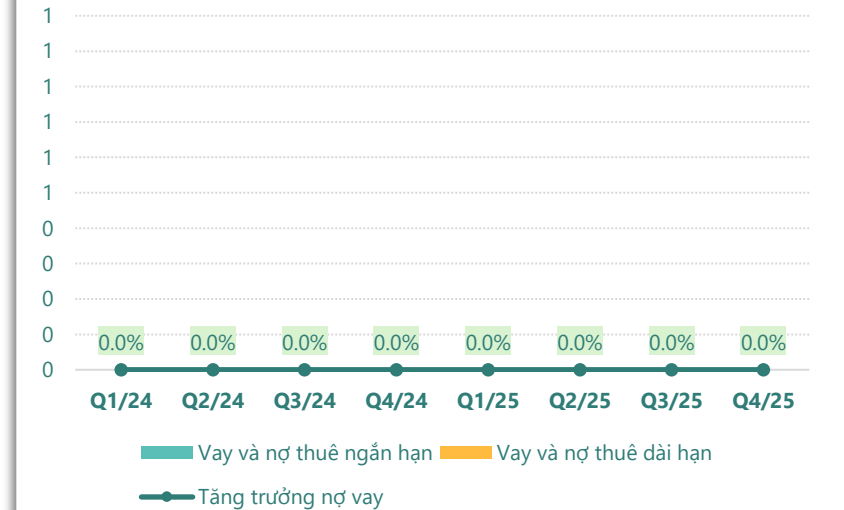
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

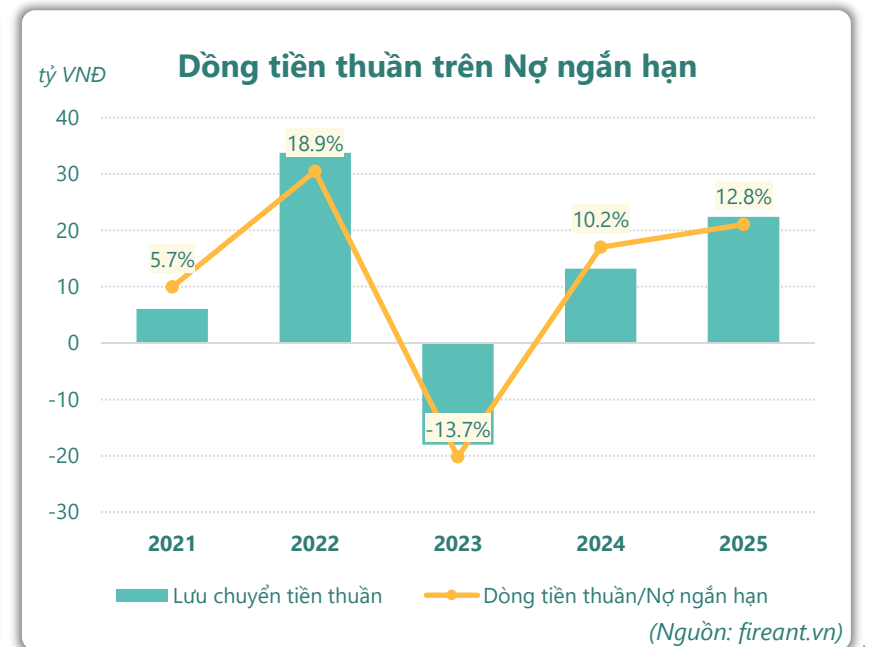
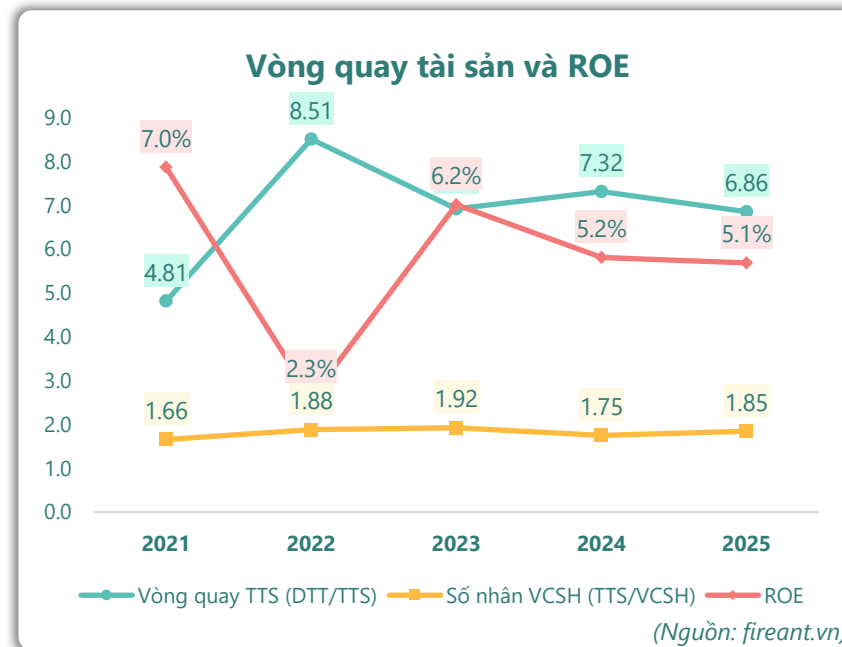
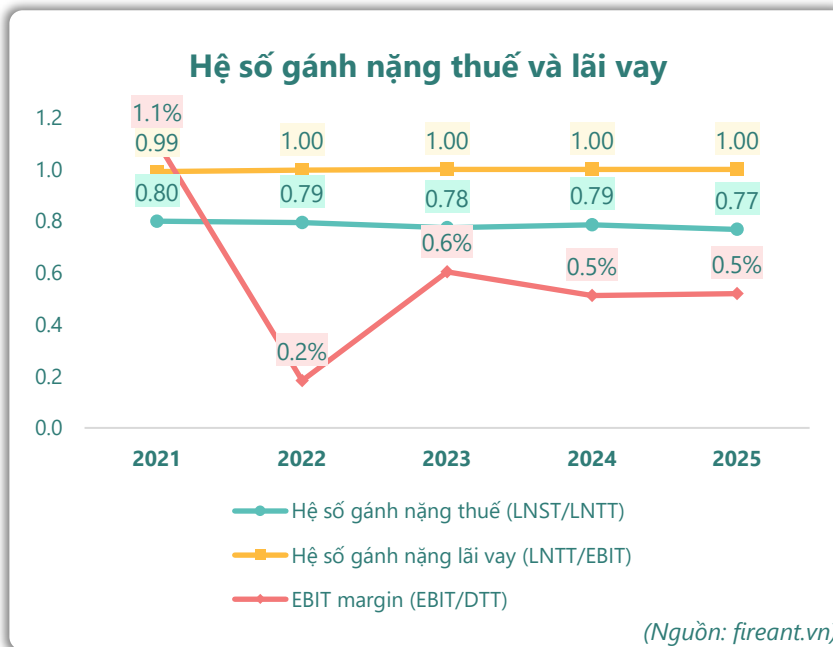
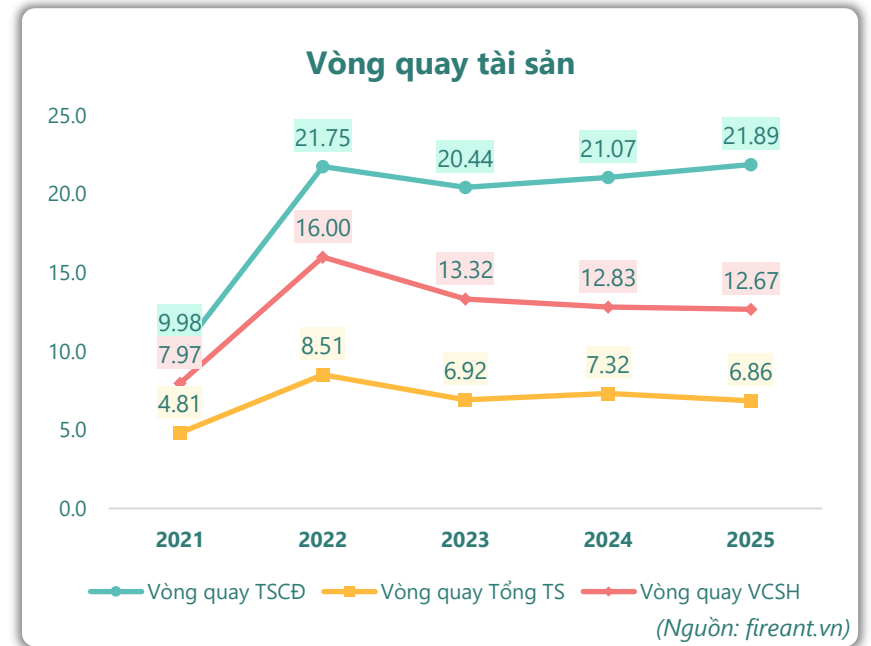
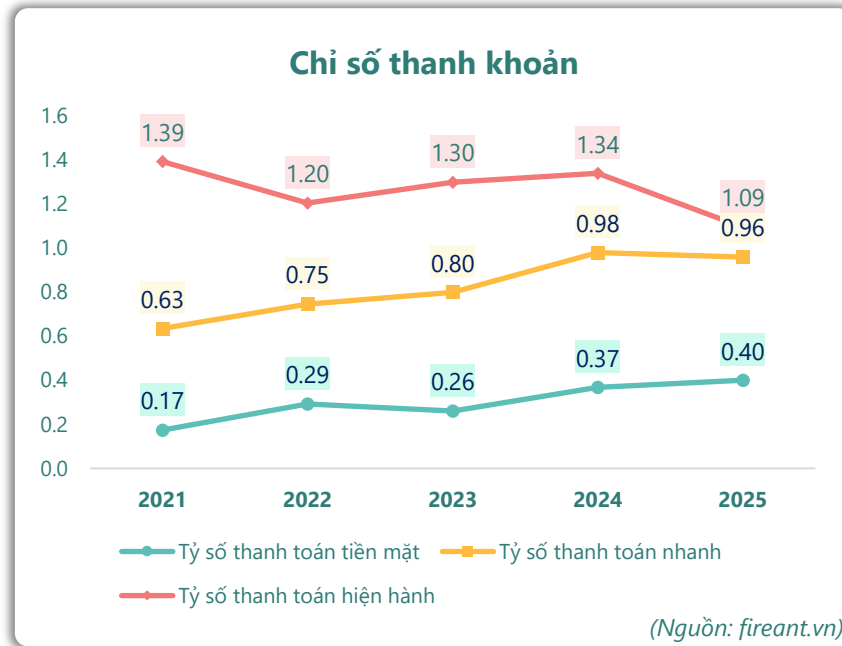
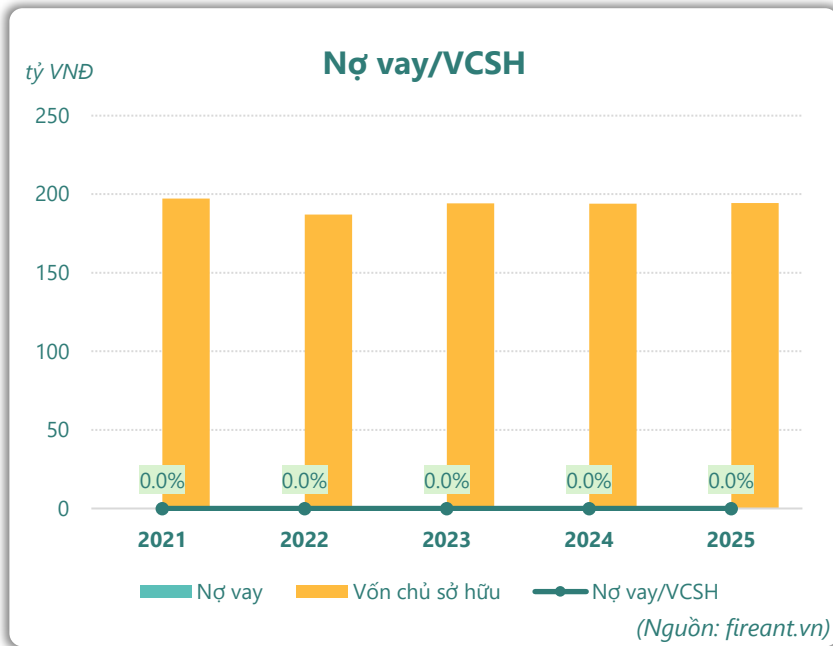
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	725	610	18.9%	2,459	2,489	-1.2%
Giá vốn hàng bán	682	574	18.7%	2,307	2,348	-1.7%
Lợi nhuận gộp	43.7	36.0	21.3%	152	141	7.8%
Doanh thu HĐTC	1.34	1.40	-4.4%	5.22	4.27	22.4%
Chi phí TC	0.01	0.25	-97.2%	0.56	1.52	-63.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	28.0	24.5	14.4%	94.0	82.2	14.2%
Chi phí QLDN	13.6	8.84	53.5%	51.0	49.3	3.5%
LN thuần từ HĐKD	3.43	3.80	-9.8%	11.6	12.2	-4.5%
Lợi nhuận khác	0.46	-0.01	4682%	1.15	0.59	96.4%
LN trước thuế	3.89	3.79	2.5%	12.8	12.8	0.2%
Lợi nhuận sau thuế	2.81	2.93	-4.0%	9.81	10.0	-2.1%
LNST của CĐ cty mẹ	2.81	2.93	-4.0%	9.81	10.0	-2.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.2	-44.3	55.3	-18.9	4.51	15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.07	-1.12	0.22	0.07	-5.74	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-6.20	0	0
Tiền đầu kỳ	38.8	92.9	47.5	103	77.9	76.7
Lưu chuyển tiền thuần	54.1	-45.4	55.5	-25.1	-1.22	-6.80
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	92.9	47.5	103	77.9	76.7	69.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	380	337	12.7%
Tài sản ngắn hạn	191	173	10.5%
Tiền và tương đương tiền	69.9	47.5	47.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.74	0.75	-0.3%
Phải thu ngắn hạn	95.4	77.8	22.6%
Hàng tồn kho	23.7	46.5	-49.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.47	0.52	183%
Tài sản dài hạn	189	164	15.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	109	116	-6.5%
Bất động sản đầu tư	4.54	5.02	-9.7%
Tài sản dở dang	29.6	0.02	159620%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.26	4.78	-10.9%
Tài sản dài hạn khác	42.0	38.2	9.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	186	143	29.6%
Nợ ngắn hạn	175	129	35.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	115	84.3	36.6%
Nợ dài hạn	11.0	14.0	-21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	194	194	0.2%
Vốn chủ sở hữu	194	194	0.2%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

